TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 27/2022/DS-ST
Ngày: 27-01- 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhất Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cù Thụy Phương Trang;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Trụ sở: Đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng V – Theo văn bản ủy quyền số 184/2021/GUQ-CNTT ngày 19/3/2021 (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Hồ Đình K, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2021 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Hoàng V đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/7/2010, ông Hồ Đình K và Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là ngân hàng S) ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng nội địa Family kiêm hợp đồng và bản điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông K, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng nội địa Family (970403-1683) với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng (tháng 02/2015 được nâng hạn mức lên 28.000.000 đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 22/5/2020 ông K thanh toán trễ hạn, ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng ông K vẫn không thanh toán theo thỏa thuận. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/8/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ nội địa Family và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Nay ngân hàng S yêu cầu Toà án buộc ông Hồ Đình K phải trả số tiền nợ tính đến ngày 04/3/2020 là 28.321.670 đồng (trong đó nợ gốc là 21.912.320 đồng và lãi quá hạn là 6.409.350 đồng), thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và lãi suất tiếp tục phát sinh theo thoả thuận cho đến khi trả dứt nợ.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập bị đơn đến Toà để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối.

Tại phiên tòa, Ngân hàng S xin được vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngân hàng cung cấp bản sao kê tính đến ngày 27/01/2022 số tiền ông Hồ Đình K còn nợ là 37.693.564 đồng (trong đó nợ gốc là 21.912.320 đồng và lãi quá hạn là 15.781.244 đồng).

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Toà án căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa ngân hàng với ông Hồ Đình K, việc thực hiện giao dịch trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình sử dụng thẻ

ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán về tiền nợ gốc và lãi nên đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng của đương sự: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng S yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ thẻ tín dụng nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng". Bị đơn có hiện đang cư trú tại Quận Z nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, ông Nguyễn Hoàng V đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Hồ Đình K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của Ngân hàng S với ông Hồ Đình K được giao kết hợp pháp vì có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế hai bên ký kết quy định về trách nhiệm thanh toán tất cả các khoản tiền đã giao dịch và các khoản phí, lãi và các chi phí phát sinh nếu không thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng.

Đối chiếu với bảng tóm tắt sao kê do nguyên đơn cung cấp thể hiện thực tế ông K có giao dịch bằng thẻ tín dụng nội địa Family (970403-1683) do Ngân hàng TMCP S cung cấp. Số dư nợ thực tế phát sinh kể từ ngày 22/5/2020 ông K sử dụng thẻ tín dụng để thực hiện các giao dịch đến ngày 22/8/2020 (ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ do vi phạm nghĩa vụ thanh toán) thì số dư nợ gốc ông K còn nợ là 21.912.320 đồng. Tại Điều 23 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng có quy định "Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng, trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ tạo nên nợ đến hạn ngay lập tức mà chủ thẻ phải thanh toán". Như vậy, ông K không thanh toán số tiền còn lại đã vi phạm thoả thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc.

Xét yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Theo Điều 22 và Điều 23 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S áp dụng tính lãi quá hạn khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với loại thẻ tín dụng nội địa Family mà ông K đang sử dụng là "áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại", như vậy theo thoả thuận ông K phải chịu lãi suất 3.225%/tháng (150% x 2.15%/tháng). Nguyên đơn yêu cầu ông Hòa trả tiền lãi quá hạn là 15.781.244 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Như vậy, lãi suất sẽ được tiếp tục tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Hồ Đình K thanh toán xong khoản nợ, theo mức lãi suất và mức phí quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Do thời hạn bị đơn không thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng S đã lâu làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay số tiền còn thiếu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Hồ Đình K có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền là 37.693.564 (Ba mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm sáu mươi bốn) đồng [Trong đó nợ gốc là 21.912.320 (Hai mươi mốt triệu, chín trăm mười hai ngàn, ba trăm hai mươi) đồng, tiền lãi quá hạn là 15.781.244 (Mười lăm triệu, bảy trăm tám mươi mốt ngàn, hai trăm bốn mươi bốn) đồng].

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 1.884.678 (Một triệu, tám trăm tám mươi bốn ngàn, sáu trăm bảy mươi tám) đồng, ông Hồ Đình K phải chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 708.042 (Bảy trăm lẻ tám ngàn, không trăm bốn mươi hai) đồng, theo biên lai thu tiền số 0050151 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được nhận hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM,
- VKSND Q.10,
- Chi cục THADS Q.10,
- Các đương sự,
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA

2AAKKΔO*βφαβαχ+

Lê Nhất Dũng